TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 32/2022/DS-PT
Ngày 07 tháng 4 năm 2022
V/v: Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương
Các Thẩm phán: Ông Trần Quang Khang
Ông Lê Thanh Danh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Đào, cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Út Mười, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2022/TLPT-DS ngày 20/01/2022 về việc "*Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất*", do Bản án dân sự sơ thẩm số: 98/2021/DSST ngày 03/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu có kháng cáo; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐ-PT ngày 11/02/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **A**, sinh năm 1940 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn gồm: Anh A1, sinh năm 1980 (có mặt). Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Chị A2, sinh năm 1987 (có mặt). Địa chỉ: Ấp Q, thị trấn R, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (Theo văn bản ủy quyền ngày 25/10/2020).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông A3, sinh năm 1983 (có mặt). Địa chỉ: Số nhà 43 đường T, Khóm 8, Phường 1, thành phố U, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Ông **B**, sinh năm 1950, (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà C, sinh năm 1952, (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3.2 Anh D, sinh năm 1974 (vắng mặt).

3.3 Chị E, sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *Người đại diện theo ủy quyền của chị Diện:* Anh D, (vắng mặt). (Theo văn bản ủy quyền ngày 27/11/2020)

3.4 Chị G, sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp V, xã N, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3.5 Chị H, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp 1A, xã X, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của chị G, chị H: Bà C (có mặt). (Theo văn bản ủy quyền ngày 27/11/2020).

3.6 Ngân hàng I

Địa chỉ trụ sở: Số V, Y, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông I1, Phó Giám đốc Ngân hàng I, Chi nhánh huyện P, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt). (Theo văn bản ủy quyền số 355 ngày 05/11/2020).

4. Người kháng cáo: Bà A là nguyên đơn và anh A1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn bà A và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh A1, chị A2 trình bày tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án: Nguồn gốc phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế 566,9 m^2, từ năm 1970 do vợ chồng bà A chuyển nhượng của ông K chiều ngang khoảng 50m và chiều dài khoảng 100m, đất tọa lạc ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Đến sau ngày 30/4/1975, bà A cho ông B là em chồng mượn cất nhà ở khi nào có đất khác thì trả lại; hiện trạng lúc đó là đất bờ sông cây cối mọc nhiều và đất chưa bằng phẳng. Năm 1993 bà A chuyển nhượng cho ông B phần đất chiều ngang khoảng 13-14m giáp với phần đất cho mượn và ông B cất nhà qua phần đất mới này. Nay bà A yêu cầu ông B trả lại đất cho mượn theo biên bản đo đất thực tế và đồng ý trả giá trị tài sản trên đất cho ông B.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn ông B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà C là vợ ông B trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là bà A chuyển nhượng từ ông K và giáp với đất của cha mẹ ông B. Sau ngày 30/4/1975 thì mẹ ông B có cho ông B một phần đất là phần sân phơi lúa khoảng 500m^2 và vợ chồng ông L (là anh ruột), bà A kêu ông B đổi đất cho nhau, bà A ông L nhận phần đất sân phơi lúa của ông B, còn ông B lấy diện tích đất ven sông trên của bà A. Việc đổi đất có chính quyền địa phương hiểu biết, (do năm 2018- 2019 bà A tranh chấp phần đất đổi với ông L1). Ông B đã nhận đất và cất nhà sử dụng ổn định từ năm 1975. Khoảng năm 1992-1993 ông L đã chết, thì bà A có kêu người bán phần đất chiều ngang khoảng 14m dài từ mé sông đến sau hậu vườn giáp với phần đất đã đổi và ông B đã mua lại và cất nhà dời qua phần đất mới này. Sau khi mua đất khoảng một năm, do bà A không có lối đi từ nhà xuống sông, nên hỏi xin một phần đất làm lối đi và ông B cho, bà A sử dụng vài năm cũng bán hết cho ông L2. Cách nay khoảng 4-5 năm bà A xin ông B một phần đất để làm lối đi từ nhà xuống mé sông, ông B đồng ý nên gia đình ông B và bà C không quản lý sử dụng phần này là 14,5m^2 đã đo thực tế phần 3; hiện chưa được cấp quyền sử dụng đất. Năm 2018 bà A hỏi xin thêm phần đất chiều ngang 5m giáp lối đi đã cho, nhưng ông B không cho nên mới

tranh chấp. Quá trình sử dụng đất, ông B và bà C đã đóng tiền làm lộ, xây dựng bờ kè và đăng ký kê khai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 754,6 m^2 tại thửa 73 tờ bản đồ 21, cấp ngày 31/7/2009 và đến ngày 18/8/2018 đã tặng cho con là D và E được cấp quyền sử dụng. Diện tích đất tranh chấp trong đó gia đình ông B và bà C không quản lý sử dụng 14,5m^2 phần 3 đã đo thực tế và chưa được cấp quyền sử dụng đất, diện tích đất còn lại ông B và bà C không đồng ý yêu cầu của bà A, vì đã đổi đất chứ không phải cho mượn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh D và chị E trình bày: Năm 2011 cha mẹ là ông B và bà C có cho hai em H và G đất, nhưng H và G chuyển nhượng lại cho anh D chị E giá 180.000.000 đồng, nên ông B và bà C làm hợp đồng tặng cho anh D chị E luôn. Tổng diện tích 754,6 m^2 tại thửa 73 tờ bản đồ 21, anh D và chị E được cấp quyền sử dụng. Anh D và chị E sử dụng đất trồng cây, đầu tư làm bãi bến phà; đồng thời đã thế chấp quyền sử dụng đất vay tiền tại Ngân hàng I, Chi nhánh huyện P, tỉnh Bạc Liêu, không đồng ý trả đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị G, H trình bày: Phần đất tranh chấp diện tích 754,6 m^2 tại thửa 73 tờ bản đồ 21, anh D và chị E được cấp quyền sử dụng, do ông B bà C tặng cho chị G và chị H, sau đó chị G và chị H chuyển nhượng cho anh D và chị E, đã nhận đủ tiền, nên làm hợp đồng tặng cho anh D và chị H luôn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng I trình bày: Phần đất tranh chấp diện tích 754,6 m^2 tại thửa 73 tờ bản đồ 21, anh D và chị E được cấp quyền sử dụng. Anh D và chị E thế chấp quyền sử dụng đất vay tiền 300.000.000 đồng tại Ngân hàng I, Chi nhánh huyện P, tỉnh Bạc Liêu, chưa đến hạn thanh toán.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 98/2021/DS-ST ngày 03/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A về việc đòi ông B trả phần đất có diện tích 552,4m^2, trong đó:

Phần đất có diện tích 483,5m^2, thuộc một phần thửa 73, tờ bản đồ số 21, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh D và chị E đứng tên cấp ngày 18/8/2018, đất tọa lạc tại ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí và số đo như sau:

- Hướng Đông giáp lộ đal xã N có số đo 25,2m.
- Hướng Tây giáp sông Phụng Hiệp - Cà Mau có số đo 25,1m.
- Hướng Nam giáp thửa đất số 76 là 19m.
- Hướng Bắc giáp phần còn lại của anh D và chị E (thửa 73) là 19,4m.

Phần đất có diện tích 68,9m^2, thuộc đất giao thông đường thủy có vị trí và số đo như sau:

- Hướng Đông giáp thửa đất 73, 76 có số đo 25,1m + 0,8m.
- Hướng Tây giáp sông Phụng Hiệp - Cà Mau có số đo 26m.
- Hướng Nam giáp sông Phụng Hiệp - Cà Mau 3,8m.
- Hướng Bắc giáp phần đất còn lại của anh D và chị E (thửa 73) là 2,4m.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà A yêu cầu ông B giao trả đất có diện tích 14,5m^2, thuộc thửa đất số 76, tờ bản đồ 21, tọa lạc tại ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí và số đo như sau:

- Hướng Đông giáp lộ đal xã N có số đo 0,8m.
- Hướng Tây giáp sông Phụng Hiệp - Cà Mau có số đo 0,8m.
- Hướng Nam giáp đất L3 có số đo 18m.
- Hướng Bắc giáp phần đất còn lại của anh D và chị E (thửa 73) là 17,9m.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và áp dụng Luật Thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án.

Ngày 07/12/2021 bà A kháng cáo và ngày 17/12/2021 anh A1 kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm đề nghị sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của bà A. Tại phiên tòa phúc thẩm bà A và anh A1 giữ nguyên đơn kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày cho rằng: Diện tích đất tranh chấp tuy ông B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng ông B thừa nhận không có ký giáp ranh. Việc ông B cho rằng diện tích đất đã đổi với bà A, bà A sử dụng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng không có tài liệu chứng minh. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh ông L1, liên quan đến việc đổi đất, vì ông L1 đang quản lý đất đổi với bà A và có căn cứ đất tranh chấp là của bà A mua của ông K, nên đề nghị buộc trả đất cho bà A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án Tòa án; Tòa án, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, kháng cáo của bà A và anh A1 là không có căn cứ, do không có cơ sở xác định ông B mượn đất và bà A đã thừa nhận đổi đất khi tranh chấp đất với ông L1 năm 2018; ông B cũng đã sử dụng đất ổn định hơn 40 năm và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà A đăng ký kê khai quyền sử dụng đất, nhưng cũng không đăng ký kê khai phần đất này. Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, không chấp nhận kháng cáo của bà A và anh A1, giữ nguyên toàn bộ bản án sơ thẩm.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, qua ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, Ngân hàng I có yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên, theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Diện tích đất tranh chấp theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/3/2021 và trích do đất tranh chấp có diện tích 552,4m^2, đất tọa lạc tại ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, gồm 3 phần có vị trí cụ thể như sau:

- Phần thứ 1: Diện tích 483,5m^2, thuộc một phần thửa 73, tờ bản đồ số 21, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh D và chị E đứng tên cấp ngày 18/8/2018, có vị trí và số đo như sau:

Hướng Đông giáp lộ đal xã N có số đo 25,2m.
Hướng Tây giáp sông Phụng Hiệp- Cà Mau có số đo 25,1m.
Hướng Nam giáp thửa đất số 76 là 19m.
Hướng Bắc giáp phần đất còn lại của anh D và chị E (thửa 73) là 19,4m.

Hiện trạng trên đất có các loại cây ăn trái là vú sữa, xoài, mận và cừ bê tông, đal làm bến bãi bằng bê tông để xe cuốc lên xuống sông, do anh D và chị E quản lý sử dụng.

- Phần thứ 2: Diện tích 68,9m^2, thuộc đất giao thông đường thủy có vị trí và số đo như sau:

Hướng Đông giáp thửa đất 73, 76 có số đo 25,1m + 0,8m.
Hướng Tây giáp sông Phụng Hiệp- Cà Mau có số đo 26m.
Hướng Nam giáp sông Phụng Hiệp- Cà Mau 3,8m.
Hướng Bắc giáp phần đất còn lại của anh D và chị E (thửa 73) là 2,4m.

Hiện trạng trên đất là đất bờ sông bến bãi bằng bê tông để xe cuốc lên xuống sông, do anh D và chị E quản lý sử dụng.

- Phần thứ 3: Diện tích 14,5m^2, thuộc thửa đất số 76, tờ bản đồ 21, bà A đứng tên Sổ Mục kê, có vị trí và số đo như sau:

Hướng Đông giáp lộ đal xã N có số đo 0,8m.
Hướng Tây giáp sông Phụng Hiệp- Cà Mau có số đo 0,8m.
Hướng Nam giáp đất L3 có số đo 18m.
Hướng Bắc giáp phần đất còn lại của anh D và chị E (thửa 73) là 17,9m.

Hiện trạng trên đất là đất đường đi gia đình ông B và bà C không quản lý sử dụng.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy, nguồn gốc đất tranh chấp là bà A chuyển nhượng từ ông K. Theo bà A sau ngày 30/4/1975 thì bà A cho ông B mượn cất nhà ở khi nào có đất khác cất nhà thì trả lại, nên nay kiện đòi lại. Ông B xác định đất đã đổi với bà A, là bà A nhận phần đất sân phơi lúa của ông B diện tích khoảng 500m^2, còn ông B lấy diện tích đất ven sông nêu trên của bà A.

Việc cho mượn đất hay đổi đất không làm giấy tờ, cũng không ai chứng kiến. Tuy nhiên, năm 2018 bà A tranh chấp phần đất đổi với ông L1 thì bà A đã thừa nhận nội dung bà đổi đất với ông B, thể hiện tại đơn ngày 08/11/2018, các biên bản ngày 18/4/2019, ngày 22/5/2019 (bút lục 01, 08, 13); chính quyền địa phương ông l4, Bí thư, kiêm Trưởng ấp, ông l5, cán bộ nông dân ấp m, xã n là thành viên Tổ hòa giải ấp còn xác định:"*Tổ hòa giải tổ chức hòa giải ……, bà A trình bày có đổi đất với ông B. Theo chúng tôi xác định bà A có đổi đất với ông B…Trước đây thấy bà A nghèo khổ nên ông B có cho lại bà A 01*

nền nhà, nhưng sau khi nhận đất thì bà A đã chuyển nhượng cho L3. Sau đó bà A có xin thêm 01m chiều ngang để làm đường đi xuống mé sông, ông B vẫn đồng ý cho."(Bút lục 237 - 238).

[4] Hiện trạng trên đất tranh chấp diện tích 552,4 m^2 gồm hai phần, phần 1 diện tích 483,5m^2, phần 2 là 68,9m^2 có các loại cây ăn trái là vú sữa, xoài, mận và cừ bê tông, đal, hàng rào và làm bến bãi bằng bê tông để xe cuốc lên xuống sông, do gia đình ông B trồng cây, xây dựng công trình và quản lý sử dụng đã hơn 40 năm. Quá trình sử dụng đã đăng ký kê khai được cấp quyền sử dụng đất, sau đó tặng cho lại anh D và chị E theo đúng quy định. Cụ thể, diện tích đất phần 1 là 483,5m^2, thuộc một phần thửa 73, tờ bản đồ số 21, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh D và chị E đứng tên cấp ngày 18/8/2018, do trước đây ngày 31/7/2009 Hộ ông B và bà C được cấp quyền sử dụng và đến ngày 14/8/2018 tặng cho anh D và chị E. Diện tích đất phần 2 là 68,9m^2, là thuộc đất giao thông đường thủy.

Do vậy, nguyên đơn không chứng minh được phần đất tranh chấp là của bà A cho mượn, thực tế cũng không đăng ký kê khai cấp quyền sử dụng đất, mà đăng ký kê khai các phần đất khác, nên Tòa án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A hai phần đất diện tích 552,4 m^2 và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phần đất thứ 3 diện tích 14,5m^2, do là đất đường đi gia đình ông B và bà C không quản lý sử dụng là có căn cứ. Tòa án cấp phúc thẩm không có có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà A và anh A1, như đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, mà giữ nguyên toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm tuyên đối với yêu cầu phần đất thứ 3 diện tích 14,5m^2 đình chỉ xét xử là chưa chính xác, nên sửa lại là đình chỉ giải quyết.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm bà A không phải nộp, do bà A là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của bà A và anh A1; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 98/2021/DS-ST ngày 03/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ các điều 5, 26, 35, 39, 91, 92, 147, điểm g khoản 1 Điều 127, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A về việc đòi ông B trả phần đất có diện tích 552,4m^2, trong đó:

Phần đất có diện tích 483,5m^2, thuộc một phần thửa 73, tờ bản đồ số 21, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh D và chị E đứng tên cấp ngày 18/8/2018, đất tọa lạc tại ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí và số đo như sau:

- Hướng Đông giáp lộ đal xã N có số đo 25,2m.
- Hướng Tây giáp sông Phụng Hiệp- Cà Mau có số đo 25,1m.
- Hướng Nam giáp thửa đất số 76 là 19m.
- Hướng Bắc giáp phần đất còn lại của anh D và chị E (thửa 73) là 19,4m.

Phần đất có diện tích 68,9m^2, thuộc đất giao thông đường thủy đất tọa lạc tại ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí và số đo như sau:

- Hướng Đông giáp thửa đất 73, 76 có số đo 25,1m + 0,8m.
- Hướng Tây giáp sông Phụng Hiệp - Cà Mau có số đo 26m.
- Hướng Nam giáp sông Phụng Hiệp - Cà Mau 3,8m.
- Hướng Bắc giáp phần đất còn lại của anh D và chị E (thửa 73) là 2,4m.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà A yêu cầu ông B giao trả đất có diện tích 14,5m^2, thuộc thửa đất số 76, tờ bản đồ 21, tọa lạc tại ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí và số đo như sau:

- Hướng Đông giáp lộ đal xã N có số đo 0,8m.
- Hướng Tây giáp sông Phụng Hiệp- Cà Mau có số đo 0,8m.
- Hướng Nam giáp đất L3 có số đo 18m.
- Hướng Bắc giáp phần đất còn lại của anh D và chị E (thửa 73) là 17,9m.

3. Án phí: Bà A phải nộp án phí sơ thẩm dân sự là 300.000 đồng, đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0004534 ngày 16/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

4. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 4.253.420 đồng buộc bà A phải chịu, bà A đã nộp đủ.

Án phí dân sự phúc thẩm bà A không phải nộp 300.000 đồng, do được miễn.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện P;
- CCTHADS huyện P;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hương